TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1 - CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 109/2025/HNGĐ-ST
Ngày 23 – 9 – 2025
Về việc xin ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 - CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :***

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Oanh
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Hà Trọng Tâm
Bà Huỳnh Trúc Duyên

- ***Thư ký phiên tòa****:* Ông Phạm Minh Đát - là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau tỉnh Cà Mau.

Ngày 23 tháng 9 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1 - Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 352/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2025 về việc xin ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 373/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 8 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị Bé C, sinh năm 1985 (có mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp B, xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau, nay là khóm B, Phường A, tỉnh Cà Mau
Căn cước công dân số: 096…

- *Bị đơn:* Ông Đặng Quốc T (T1), sinh năm 1982 (vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp X, xã H, thành phố C, tỉnh Cà Mau, nay là khóm X, Phường H, tỉnh Cà Mau**.**
Căn cước công dân số: 096….

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trình bày của bà Phạm Thị Bé C trong quá trình giải quyết vụ án, được bổ sung tại phiên tòa thể hiện:

Về hôn nhân, bà và ông Đặng Quốc T đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 09/3/2006 tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau, nay là Ủy ban nhân dân Phường A, tỉnh Cà Mau, số Giấy chứng nhận kết hôn 36, quyển số 01-2006. Trong quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, do vợ chồng bất đồng quan điểm, không hợp nhau, hay cự cãi, vợ chồng đã ly thân nhau khoảng 10 năm nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còm quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Nay xét thấy cuộc sống không hạnh phúc, không thể hàn gắn được nên bà yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung, bà và ông T có 02 con chung tên là Đặng Quốc T2, sinh ngày 05/7/2007 và Đặng Phạm Quốc H, sinh ngày 08/10/2016, hiện nay hai con đang sống với bà. Khi ly hôn, đối với cháu Đặng Quốc T2 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với cháu Đặng Phạm Quốc H, bà yêu cầu được tiếp tục nuôi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con đối với ông T.

Về tài sản chung: Bà xác định không có.

Về nợ chung: Bà xác định không có.

Đối với ông Đặng Quốc T, ông T đã được tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý về nội dung yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Bé C, nhưng đến nay ông T vẫn không gửi cho Toà án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của bà C.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Bị đơn là ông Đặng Quốc T đã được tống đạt hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Nội dung tranh chấp được xác định là xin ly hôn nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị Bé C, xét thấy, bà C và ông T đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 09/3/2006 tại Ủy ban nhân dân xã A, thành phố C, tỉnh Cà Mau, nay là Ủy ban nhân dân Phường A, tỉnh Cà Mau, nên hôn nhân được xác định là hợp pháp. Bà C cho rằng, vợ chồng đã có mâu thuẫn trầm trọng do bất đồng quan điểm, vợ chồng đã ly thân nhau khoảng 10 năm nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Còn ông T không đến Tòa án tham gia các phiên hòa giải, phiên tòa, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến và các tài liệu, chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình nên Hội đồng xét xử chấp nhận trình bày của bà C, xác định hôn nhân của ông bà đã có mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng đã ly thân nhau, không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận cho bà C ly hôn với ông T.

[4] Về con chung, bà C và ông T có 02 con chung tên là Đặng Quốc T2, sinh ngày 05/7/2007 và Đặng Phạm Quốc H, sinh ngày 08/10/2016.

Đối với con chung là Đặng Quốc T2, sinh ngày 05/7/2007, hiện nay đã trưởng thành nên không đề cập xem xét đến vấn đề cấp dưỡng, nuôi dưỡng khi ly hôn. Đối với con chung tên là Đặng Phạm Quốc H, sinh ngày 08/10/2016, hiện nay con đang sống với bà C. Bà C yêu cầu khi ly hôn, bà tiếp tục nuôi cháu H, không đề cập trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con của ông T. Xét thấy, hiện nay bà C đủ điều kiện nuôi con, cháu H cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ nếu cha mẹ ly hôn, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận giao cháu H cho bà C nuôi, bà C tự nguyện không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con nên không đề cập xem xét. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về tài sản chung và nợ chung, bà C xác định không có, còn ông T không gửi văn bản thể hiện ý kiến của mình và không gửi các tài liệu kèm theo chứng minh về vấn đề tài sản chung, nợ chung nên chấp nhận ý kiến của bà C.

[6] Bà C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 147, 227, 228 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

1/ Về hôn nhân: Chấp nhận cho bà Phạm Thị Bé C ly hôn với ông Đặng Quốc T.

2/ Về con chung: Buộc ông Đặng Quốc T giao con chung tên là Đặng Phạm Quốc H, sinh ngày 08/10/2016 cho bà Phạm Thị Bé C trực tiếp nuôi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con. Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Đối với con chung là Đặng Quốc T2, sinh ngày 05/7/2007, hiện nay đã trưởng thành, không đề cập xem xét vấn đề nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: không có.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm về Hôn nhân và gia đình là 300.000đ, bà C phải nộp. Ngày 17 tháng 6 năm 2025, bà C đã nộp tiền tạm ứng án phí số tiền 300.000đ theo biên lai thu số 0011049 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Cà Mau, nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 1 – Cà Mau, được đối trừ, bà C đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bà C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực 1 - Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 1 – Cà Mau;
- UBND Phường An Xuyên, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Lê Thị Kim Oanh

Hội thẩm nhân dân	***Chủ tọa phiên tòa***	***Hội thẩm nhân dân***
Hà Trọng Tâm	**Lê Thị Kim Oanh**	**Huỳnh Trúc Duyên**